CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁNH MỨT KẸO HÀ NỘI
HANOI CONFECTIONERY JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 49/2022/CBTT-BKH

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HN

Kính gửi: - **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao Chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO HÀ NỘI**

Mã Chứng khoán : **BKH**

Trụ sở chính : Số 54A phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 024 3384 3636

Fax : 024 3384 3994

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thị Mai Phương

Điện thoại : 0948459339

Loại thông tin công bố: [X] Định kỳ [ ] Bất thường [ ] 24h [ ] Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội công bố Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Đồng thời Công ty cũng thực hiện công bố thông tin này tại địa chỉ:

https://www.banhmutkeohanoi.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được uỷ quyền công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO HÀ NỘI

Lê Thị Mai Phương

Nơi nhận:
- *UBCKNN;*
- *SGDCKHN*
- *Website công ty;*
- *Lưu TC-HC*

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO HÀ NỘI
Ký ngày: 29/3/2022 11:40:08

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tháng 03 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/06/2021)
Ông Trần Đức Nam	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/06/2021)
Ông Lê Văn Đạt	Thành viên
Bà Dương Ngọc Tuyết	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Xuân Thu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vương Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0100103801 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO HÀ NỘI

Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787
Website: www.vaco.com.vn

Số: 158 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 /03/2022, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0102546856 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0043-2022-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2737-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**41.101.925.980**	**44.006.100.174**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**04**	**1.846.422.794**	**10.350.209.554**
1. Tiền	111		1.846.422.794	1.350.209.554
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	9.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**9.000.000.000**	**10.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	05	9.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**5.727.868.063**	**4.629.227.163**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	06	6.677.582.672	6.068.686.157
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	07	1.035.937.565	598.514.060
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	08	4.734.046.200	4.216.158.711
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	09	(6.719.698.374)	(6.254.131.765)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**22.088.307.170**	**15.914.590.535**
1. Hàng tồn kho	141		22.088.307.170	15.914.590.535
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.439.327.953**	**3.112.072.922**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	1.165.486.579	1.102.850.169
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		490.760.208	900.580.060
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	783.081.166	1.108.642.693
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**35.937.247.210**	**32.796.404.570**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**40.000.000**	**10.560.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	08	40.000.000	10.560.000
II. Tài sản cố định	**220**		**14.376.887.113**	**16.775.387.308**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	14.376.887.113	16.775.387.308
- Nguyên giá	*222*		*66.260.566.068*	*66.654.281.623*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(51.883.678.955)*	*(49.878.894.315)*
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**10.885.256.770**	**5.385.256.770**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	600.000.000	600.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(214.743.230)	(214.743.230)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	05	10.500.000.000	5.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**10.635.103.327**	**10.625.200.492**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	10.635.103.327	10.625.200.492
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**77.039.173.190**	**76.802.504.744**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**32.123.737.543**	**27.886.771.028**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**25.169.192.459**	**20.523.135.035**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	11.689.350.092	9.591.610.118
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	1.215.154.930	245.359.617
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2.197.644.444	1.470.063.549
4. Phải trả người lao động	314		1.683.375.183	1.409.906.026
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	886.844.753	71.760.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	409.090.909	409.090.909
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.516.162.354	1.833.795.078
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	4.433.187.800	5.193.283.344
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		138.381.994	298.266.394
II. Nợ dài hạn	**330**		**6.954.545.084**	**7.363.635.993**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	6.954.545.084	7.363.635.993
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**44.915.435.647**	**48.915.733.716**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**44.915.435.647**	**48.915.733.716**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.500.000.000	17.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*17.500.000.000*	*17.500.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.581.227.440	13.581.227.440
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.834.208.207	17.834.506.276
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*13.227.068.505*	*13.185.750.845*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*607.139.702*	*4.648.755.431*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**77.039.173.190**	**76.802.504.744**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Năm	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trần Thanh Sơn

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**84.842.244.029**	**106.121.588.276**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		338.127.471	174.436.288
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**22**	**84.504.116.558**	**105.947.151.988**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	55.612.300.386	67.127.949.686
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**28.891.816.172**	**38.819.202.302**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.128.378.977	1.483.618.050
7. Chi phí tài chính	22	26	29.587.497	165.914.479
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*29.587.497*	*165.914.479*
8. Chi phí bán hàng	25	27	14.469.276.250	19.476.521.396
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.990.255.666	15.150.011.105
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**531.075.736**	**5.510.373.372**
11. Thu nhập khác	31		204.600.014	9.184.309
12. Chi phí khác	32		25.408.223	71.349.307
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	**40**		**179.191.791**	**(62.164.998)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**710.267.527**	**5.448.208.374**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	103.127.825	799.452.943
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**607.139.702**	**4.648.755.431**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	330	2.524

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Năm	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trần Thanh Sơn

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	92.860.987.151	109.636.163.717
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(61.705.033.448)	(69.348.302.144)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(23.152.534.159)	(27.664.363.922)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(32.254.146)	(158.843.077)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(300.000.000)	(1.055.051.328)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.336.667.650	3.469.532.499
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(12.153.479.813)	(15.426.222.019)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	***20***	**(1.145.646.765)**	**(547.086.274)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(397.770.214)	(734.800.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(52.500.000.000)	(10.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	48.000.000.000	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.782.225.763	1.109.160.939
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(3.115.544.451)***	***374.360.939***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.433.187.800	6.476.542.103
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.193.283.344)	(1.283.258.759)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.482.500.000)	(5.243.863.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(4.242.595.544)***	***(50.579.656)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(8.503.786.760)**	**(223.304.991)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**10.350.209.554**	**10.573.514.545**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	**70**	**1.846.422.794**	**10.350.209.554**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Năm	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trần Thanh Sơn

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103601, đăng ký lần đầu ngày 10/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 08 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 54A, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 152 người (tại ngày 31/12/2020 là 186 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất ca cao, socola và mứt kẹo;
- Sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Kinh doanh các loại bánh, mứt, kẹo;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Các ngành nghề khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Danh sách công ty liên kết:

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao	28 Hàng Ngang, P. Hàng Đào, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	20%	20%	20%

Danh sách các chi nhánh/địa điểm kinh doanh của Công ty

Chi nhánh/Địa điểm kinh doanh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO (i)	28 Hàng Ngang, P. Hàng Đào, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh (i)	Số 3B, Phố Chả Cá, P. Hàng Đào, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Nhà máy Sản xuất Bánh Mứt Kẹo (ii)	Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, X. Phùng Xá, H. Thạch Thất, Hà Nội
Cửa hàng Bán và Giới thiệu sản phẩm - Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (ii)	Số 1, ngách 18/10 Huỳnh Thúc Kháng, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
Cửa hàng Bán và Giới thiệu sản phẩm - Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (ii)	Số 10, phố Quán Thánh, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, Hà Nội
Cửa hàng Bán và Giới thiệu sản phẩm - Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (ii)	Nhà liền kề E1, số 15 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

Ghi chú:

(i) Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO và Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo - Khánh sạn Việt Linh là các đơn vị hạch toán độc lập. Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO đã hoàn tất thủ tục chấm dứt hoạt động theo Thông báo số 375107/21 ngày 21/12/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

(ii) Là các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh. Người sử dụng báo cáo tài chính này nên đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty trong năm.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,
b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay và nợ thuê tài chính.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy.định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá xuất hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vật tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất trả một lần và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước là tiền thuê đất trả một lần được phân bổ vào Báo cáo kết quả kinh doanh theo thời gian thuê đất.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Điều lệ của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	508.364.207	368.553.985
Tiền gửi ngân ngân hàng	1.338.058.587	981.655.569
Các khoản tương đương tiền (i)	-	9.000.000.000
Tổng	**1.846.422.794**	**10.350.209.554**

Ghi chú:

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	***9.000.000.000***	***9.000.000.000***	***10.000.000.000***	***10.000.000.000***
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	9.000.000.000	9.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Dài hạn	***10.500.000.000***	***10.500.000.000***	***5.000.000.000***	***5.000.000.000***
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	10.500.000.000	10.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

Ghi chú:

(i) Khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi số 128/2021/2865 ngày 05/02/2021 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương số tiền 5.000.0000.000 VND, có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,9% là tài sản đảm bảo cho hợp đồng cho vay như trình bày tại Thuyết minh số 19 - phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Khoản tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền 4.000.000.000 VND, có kỳ hạn 6 tháng kể từ ngày 15/11/2021 đến ngày 15/05/2022, lãi suất 4,75%.

(ii) Khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi số 057090221002/2021/VIB-BMKHN ngày 09/02/2021 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền 5.500.000.000 VND, có kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 5,1%.

Khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi số 057220221001/2021/VIB-BMKHN ngày 22/02/2021 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền 5.000.000.000 VND, có kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 4,85%.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	6.677.582.672	***6.068.686.157***
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	2.293.652.399	1.851.004.108
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Hoàng Nam	1.277.373.145	1.277.373.145
Công ty TNHH Thực phẩm Cavico	180.699.998	624.661.152
Đối tượng khác	2.925.857.130	2.315.647.752

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	1.035.937.565	***598.514.060***
Công ty TNHH thương mại In bao bì Tuấn Bằng	-	214.510.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Blueseed	269.988.565	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Minh	385.200.000	-
Đối tượng khác	380.749.000	384.004.060

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	***4.734.046.200***	***1.824.518.221***	***4.216.158.711***	***1.517.825.372***
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	15.560.000	-	5.000.000	-
Tạm ứng:	143.110.000	-	78.480.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	4.575.376.200	1.824.518.221	4.132.678.711	1.517.825.372
- Tiền thuê đất (i)	*3.796.905.058*	*1.824.518.221*	*2.670.647.376*	*1.517.825.372*
- Lãi dự thu	*704.588.730*	-	*1.358.435.516*	-
- Phải thu khác	*73.882.412*	-	*103.595.819*	-
b) Dài hạn	***40.000.000***	-	***10.560.000***	-
- Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	10.560.000	-
Tổng	**4.774.046.200**	**1.824.518.221**	**4.226.718.711**	**1.517.825.372**

Ghi chú:

(i) Tiền thuê đất phải thu của các chi nhánh và các cửa hàng của Công ty.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Hoàng Nam	1.277.373.145	-	1.277.373.145	-
Đào Hồng Thanh	468.912.632	-	468.912.632	-
Nguyễn Gia Điệp	422.879.976	-	422.879.976	-
Công ty TNHH Thương mại Thắng Hà	348.194.881	-	348.194.881	-
Công ty TNHH Tuấn Thu	306.230.883	-	306.230.883	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	5.532.302.013	2.220.508.512	4.236.201.666	1.389.974.774
Các đối tượng khác	584.313.356	-	584.313.356	-
Tổng	**8.940.206.886**	**2.220.508.512**	**7.644.106.539**	**1.389.974.774**

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.669.289.416	-	10.071.094.603	-
Công cụ, dụng cụ	283.447.908	-	315.447.908	-
Thành phẩm	5.006.377.804	-	1.071.402.897	-
Hàng hóa	4.867.749.984	-	4.233.089.340	-
Hàng gửi bán	261.442.058	-	223.555.787	-
Tổng	**22.088.307.170**	**-**	**15.914.590.535**	**-**

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nội địa	-	4.069.585.148	4.069.585.148	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	103.127.825	103.127.825	-
Thuế thu nhập cá nhân	26.241.595	591.168.993	565.370.793	52.039.795
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	953.656.916	1.194.234.813	701.253.769	1.446.637.960
Các loại thuế khác	490.165.038	215.801.651	7.000.000	698.966.689
Tổng	**1.470.063.549**	**6.173.918.430**	**5.446.337.535**	**2.197.644.444**

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	659.925.388	-	522.433.702	137.491.686
Thuế thu nhập doanh nghiệp	448.717.305	196.872.175	-	645.589.480
Tổng	**1.108.642.693**	**196.872.175**	**522.433.702**	**783.081.166**

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**38.334.818.388**	**20.104.859.458**	**7.536.119.224**	**678.484.553**	**66.654.281.623**
Mua trong năm	52.609.445	309.000.000	-	-	361.609.445
Thanh lý trong năm	-	755.325.000	-	-	755.325.000
Số dư cuối năm	**38.387.427.833**	**19.658.534.458**	**7.536.119.224**	**678.484.553**	**66.260.566.068**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư đầu năm	**23.056.129.489**	**19.047.276.620**	**7.136.734.671**	**638.753.535**	**49.878.894.315**
Khấu hao trong năm	2.124.816.648	507.664.508	109.819.884	17.808.600	2.760.109.640
Thanh lý trong năm	-	755.325.000	-	-	755.325.000
Số dư cuối năm	**25.180.946.137**	**18.799.616.128**	**7.246.554.555**	**656.562.135**	**51.883.678.955**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	**15.278.688.899**	**1.057.582.838**	**399.384.553**	**39.731.018**	**16.775.387.308**
Số dư cuối năm	**13.206.481.696**	**858.918.330**	**289.564.669**	**21.922.418**	**14.376.887.113**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 28.610.800.861 VND (tại ngày 31/12/2020 là 28.754.634.361 VND).

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao	600.000.000	(214.743.230)	600.000.000	(214.743.230)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 31/12/2021 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2611/HDHTKD ngày 26/11/2015, tỷ lệ vốn góp là 20%. Công ty chịu trách nhiệm hỗ trợ các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến hoạt động kinh doanh của pháp nhân mới, trợ giúp các thủ tục để pháp nhân mới trực tiếp ký hợp đồng thuê trụ sở với cơ quan, tổ chức hữu quan theo quy định của pháp luật và hợp đồng thuê nhà đất hiện hành, được hưởng 20% lợi nhuận sau thuế và được quyền thoái toàn bộ vốn góp nêu trên tại bất kỳ thời điểm nào mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của pháp nhân mới.

Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao nên chưa đánh giá và trích lập bổ sung (nếu có) dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty này. Số dự phòng đã trích lập là dựa trên báo cáo tài chính chưa kiểm toán đến năm 2020 của Công ty này.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tại ngày cuối năm do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***1.165.486.579***	***1.102.850.169***
Chi phí công cụ dụng cụ	1.147.069.912	950.247.502
Tiền thuê nhà	18.416.667	152.602.667
b) Dài hạn	***10.635.103.327***	***10.625.200.492***
Chi phí sửa chữa, cải tạo	313.479.991	-
Tiền thuê đất (i)	10.321.623.336	10.625.200.492

Ghi chú:

(i) Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê trả một lần với diện tích 23.390 m2 đất thuê lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây để xây dựng nhà máy sản xuất ở Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Hà Nội theo Hợp đồng thuê lại đất số 09/HDTLD-HT ngày 28/09/2007 và Phục lục số 01 ngày 30/9/2010, thời gian thuê từ ngày 30/01/2008 đến ngày 13/01/2056. Đơn giá thuê đất đã có cơ sở hạ tầng là 650.000 đồng/m2 áp dụng cho suốt thời gian thuê, tổng số tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê là 15.203.500.000 VND.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội	3.454.111.263	3.454.111.263	3.086.989.810	3.086.989.810
Công ty TNHH Thương mại và Bao bì Quốc Anh	735.846.300	735.846.300	724.043.930	724.043.930
Công ty TNHH Bánh mứt kẹo Đình Việt	977.200.000	977.200.000	361.060.000	361.060.000
Trần Thị Thỏa	939.270.600	939.270.600	643.481.670	643.481.670
Đối tượng khác	5.582.921.929	5.582.921.929	4.776.034.708	4.776.034.708
Tổng	**11.689.350.092**	**11.689.350.092**	**9.591.610.118**	**9.591.610.118**

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại dịch vụ Sơn Hải	700.000.000	700.000.000	-	-
Đối tượng khác	515.154.930	515.154.930	245.359.617	245.359.617
Tổng	**1.215.154.930**	**1.215.154.930**	**245.359.617**	**245.359.617**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí du lịch	807.000.000	-
Chi phí xử lý rác thải	75.440.000	71.760.000
Lãi dự trả	4.404.753	-
Tổng	**886.844.753**	**71.760.000**

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	310.714.579	612.607.470
Tiền thuế đất (i)	1.076.567.280	1.021.081.548
Tiền cổ tức	898.637.000	6.137.000
Thù lao Hội đồng quản trị	174.000.000	84.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	56.243.495	109.969.060
Tổng	**2.516.162.354**	**1.833.795.078**

Ghi chú:

(i) Tiền thuê đất là khoản chênh lệch tiền thuê đất theo đơn giá cũ và đơn giá mới đã thu bằng tiền của các cửa hàng kinh doanh nhưng chưa xác định phải nộp. Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan chức năng về đơn giá thuê đất này. Khi có quyết định cuối cùng của các cơ quan chức năng, Công ty sẽ có các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản tiền thuê đất và thuê nhà đã nhận và thu bổ sung để nộp (nếu có) từ các cửa hàng kinh doanh khác và các điều chỉnh vào chi phí của Công ty (nếu có).

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	***4.433.187.800***	***4.433.187.800***	***5.193.283.344***	***4.433.187.800***	***5.193.283.344***	***5.193.283.344***
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương (i)	4.433.187.800	4.433.187.800	5.193.283.344	4.433.187.800	5.193.283.344	5.193.283.344

Ghi chú:

(i) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HDDCVHMNHCT128-BMK ngày 23/11/2021 với hạn mức vay là 10 tỷ VND từ ngày 23/11/2021 đến ngày 23/11/2022, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ, nhưng không quá 6 tháng.

Mục đích cho vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất thay đổi theo giấy nhận nợ, điều chỉnh một tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với số tiền 5 tỷ VND.

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***409.090.909***	***409.090.909***
Doanh thu cho thuê nhà	409.090.909	409.090.909
b) Dài hạn	***6.954.545.084***	***7.363.635.993***
Doanh thu cho thuê nhà	6.954.545.084	7.363.635.993

Là số tiền thu theo Hợp đồng thuê nhà số 178/HĐKT ngày 01/11/2007, Phụ lục Hợp đồng ngày 29/10/2010 và Phụ lục số 2 ngày 22/02/2012 và Hợp đồng thuê nhà ngày 27/4/2012 giữa Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ đô về việc cho thuê toàn bộ khu nhà 36 Bát Đàn và 82 Hàng Gà trên lô đất có diện tích 294,62 m2 để Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ Đô sẽ cải tạo, xây dựng và nâng cấp tòa nhà thành một tòa nhà cao cấp phục vụ mục đích kinh doanh tổng hợp, cho thuê văn phòng; Thời hạn cho thuê là 40 năm tính từ ngày 01/01/2010; Giá thuê bao gồm thuế GTGT là 450 triệu VND/năm; Thanh toán tiền thuê 5 năm đầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày căn nhà được bàn giao; Trả trước ngay một lần trong năm 2012 tiền thuê trong thời hạn 25 năm tiếp theo và được miễn tiền thuê trong thời hạn 10 năm sau cùng.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**17.500.000.000**	**13.581.227.440**	**18.909.156.810**	**49.990.384.250**
Lãi trong năm	-		4.648.755.431	4.648.755.431
Phân phối lợi nhuận	-	-	(5.723.405.965)	(5.723.405.965)
Số dư đầu năm nay	**17.500.000.000**	**13.581.227.440**	**17.834.506.276**	**48.915.733.716**
Lãi trong năm	-	-	607.139.702	607.139.702
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(4.607.437.771)	(4.607.437.771)
Số dư cuối năm nay	**17.500.000.000**	**13.581.227.440**	**13.834.208.207**	**44.915.435.647**

Ghi chú:

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/06/2021. Theo đó, Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền lần lượt là 232.437.771 VND và 4.375.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 17.500.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.750.000	1.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.750.000	1.750.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*1.750.000*	*1.750.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.750.000	1.750.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*1.750.000*	*1.750.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**84.842.244.029**	**106.121.588.276**
Doanh thu bán sản phẩm	82.893.177.324	103.081.524.751
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.949.066.705	3.040.063.525
Các khoản giảm trừ doanh thu	**338.127.471**	**174.436.288**
Trong đó		
- Hàng bán bị trả lại	338.127.471	174.436.288
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	**84.504.116.558**	**105.947.151.988**
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	106.169.119	230.610.495
Công ty CP Đầu tư xây dựng Việt Hà	-	2.696.820

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	54.413.527.001	65.944.369.121
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.198.773.385	1.183.580.565
Tổng	**55.612.300.386**	**67.127.949.686**

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	**VND**
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.607.723.396	43.349.192.908
Chi phí nhân công	26.703.802.258	25.646.240.706
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.760.109.640	2.827.175.765
Chi phí dự phòng	465.566.609	357.873.809
Thuế phí, lệ phí	537.412.998	529.355.907
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.855.378.770	4.601.507.466
Chi phí khác bằng tiền	15.337.198.098	18.541.674.678
Tổng	**89.267.191.769**	**95.853.021.239**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.128.378.977	1.483.618.050
Tổng	**1.128.378.977**	**1.483.618.050**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	29.587.497	165.914.479
Tổng	**29.587.497**	**165.914.479**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, đồ dùng	28.568.072	1.114.711.580
Chi phí hoa hồng, quảng cáo, vận chuyển	9.393.467.208	12.538.580.386
Chi phí nhân công	3.067.159.960	2.676.109.114
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.176.644	20.678.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	921.042.812	548.416.729
Chi phí bằng tiền khác	1.033.861.554	2.578.025.571
Tổng	**14.469.276.250**	**19.476.521.396**
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, đồ dùng	706.961.862	576.590.750
Chi phí nhân công	8.797.818.402	8.496.681.007
Chi phí khấu hao TSCĐ	112.464.598	150.838.932
Chi phí dự phòng	465.566.609	357.873.809
Thuế, phí, lệ phí	433.914.522	122.360.968
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.140.287.448	1.479.764.105
Chi phí bằng tiền khác	3.333.242.225	3.965.901.534
Tổng	**14.990.255.666**	**15.150.011.105**

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	**710.267.527**	**5.448.208.374**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	217.405.000	262.169.796
- Cộng: Chi phí không được trừ	217.405.000	262.169.796
Thù lao hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	*192.000.000*	*192.000.000*
Phạt chậm nộp thuế đất	-	*70.169.796*
Chi phí khác	*25.405.000*	-
Chuyển lỗ		
Thu nhập chịu thuế	**927.672.527**	**5.710.378.170**
Thu nhập tính thuế	**927.672.527**	**5.710.378.170**
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất thông thường	185.534.506	1.142.075.634
Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi giảm 30% (i)	55.660.352	342.622.691
Điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019, 2020	26.746.329	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**103.127.825**	**799.452.943**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Trong năm, Công ty đang tạm xác định phần chi phí không hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số liệu cuối cùng phụ thuộc vào cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ghi chú:

(i) Công ty đang tự xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm 2021 là 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 theo Nghị định 92/2021/NĐ - CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	607.139.702	4.648.755.431
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do dự kiến quỹ khen thưởng, phúc lợi	(30.356.985)	(232.437.771)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông phổ thông	576.782.717	4.416.317.660
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	1.750.000	1.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	330	2.524
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

30. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty giao quyền kinh doanh độc lập cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO và Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh. Các chi nhánh này tự chịu trách nhiệm nộp các nghĩa vụ thuế cho Ngân sách Nhà nước. Đến thời điểm này, Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO đã hoàn tất thủ tục chấm dứt hoạt động theo Thông báo số 375107/21 ngày 21/12/2021 của Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty chưa cộng hợp các số liệu của hai chi nhánh trong Báo cáo tài chính của Công ty. Công ty có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế và pháp lý liên quan đến hai chi nhánh này.

Từ năm 2018, Công ty hạch toán tiền thuê đất vào giá vốn theo đơn giá cũ Công ty ký hợp đồng với các cơ quan chức năng. Đồng thời tại một số địa điểm kinh doanh, chi nhánh khác của Công ty cũng có sự chênh lệch về tiền thuê đất và thuê nhà theo đơn giá mới. Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng về các đơn giá tiền thuê đất và thuê nhà này. Khi có quyết định cuối cùng của các cơ quan chức năng, Công ty sẽ có các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản tiền thuê đất và thuê nhà đã nhận và thu bổ sung để nộp (nếu có) từ các cửa hàng kinh doanh khác và các điều chỉnh vào chi phí của Công ty (nếu có). Đến ngày lập báo cáo này, chưa có quyết định cuối cùng của cơ quan chức năng về đơn giá thuê này.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	4.433.187.800	5.193.283.344
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.846.422.794	10.350.209.554
Nợ thuần	2.586.765.006	-
Vốn chủ sở hữu	44.915.435.647	48.915.733.716
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**6%**	**0%**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	**Đầu năm**
Tài sản tài chính	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.846.422.794	10.350.209.554
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.767.868.063	4.639.787.163
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	10.885.256.770	5.385.256.770
Tổng	**27.499.547.627**	**30.375.253.487**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	**Đầu năm**
Công nợ tài chính	VND	VND
Vay và nợ	4.433.187.800	5.193.283.344
Phải trả người bán, phải trả khác	14.205.512.446	11.425.405.196
Chi phí phải trả	886.844.753	71.760.000
Tổng	**19.525.544.999**	**16.690.448.540**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro về giá có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.846.422.794	-	-	1.846.422.794
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.727.868.063	40.000.000	-	5.767.868.063
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.000.000.000		-	9.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	10.885.256.770	-	10.885.256.770
Tổng	**16.574.290.857**	**10.925.256.770**	**-**	**27.499.547.627**
Tại ngày cuối năm				
Các khoản vay	4.433.187.800	-	-	4.433.187.800
Phải trả người bán, phải trả khác	14.205.512.446	-	-	14.205.512.446
Chi phí phải trả	886.844.753	-	-	886.844.753
Tổng	**19.525.544.999**	**-**	**-**	**19.525.544.999**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(2.951.254.142)**	**10.925.256.770**	**-**	**7.974.002.628**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm 31/12/2021 ở mức thấp.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Công ty mẹ
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Ban lãnh đạo Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Cùng công ty mẹ

Giao dịch chủ yếu với bên liên quan trong năm:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	106.169.119	230.610.495
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Việt Hà	-	2.696.820
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	125.711.003	118.405.987
Trả cổ tức		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	1.338.750.000	2.677.500.000

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các số dư chủ yếu với các bên liên quan như trình bày tại các Thuyết minh công nợ (nếu có) - phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	**913.367.200**	**1.072.348.000**
Ông Trần Thanh Sơn	540.433.600	656.434.000
Ông Vương Trọng Tuấn	372.933.600	415.914.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	**264.000.000**	**264.000.000**
Ông Nguyễn Thanh Tùng	72.000.000	72.000.000
Ông Trần Đức Nam	48.000.000	48.000.000
Ông Lê Văn Đạt	48.000.000	48.000.000
Bà Dương Ngọc Tuyết	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Thu	48.000.000	48.000.000
Tổng	**1.177.367.200**	**1.336.348.000**

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Nguyễn Thị Năm	**Nguyễn Ngọc Tuấn**	**Trần Thanh Sơn**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022